Ký bởi: TRUNG TÂM CÔNG BÁO
Email: ttcb.ubnd@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Ngày ký: 16-12-2024 10:59:46 +07:00

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 5346/QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 11 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Quốc tịch, Hộ tịch thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt phương án tái cấu trúc, đơn giản hóa thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 7289/TTr-STP-VP ngày 01 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 07 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được tái cấu trúc theo các phương án tại Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/KenhTin/Quy-trinh-noi-bo-TTHC.aspx.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính đã được phê duyệt là cơ sở để xây dựng quy trình điện tử, thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố.

2. Cơ quan, đơn vị thực hiện thủ tục hành chính có trách nhiệm:

a) Tuân thủ theo quy trình nội bộ đã được phê duyệt khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức; không tự đặt thêm thủ tục, giấy tờ ngoài quy định pháp luật.

b) Thường xuyên rà soát, cập nhật các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được phê duyệt mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ, bãi bỏ khi có biến động theo quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thứ tự 4,5,6 tại Quyết định số 4259/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023; thứ tự II.2, II.3, II.4 tại Quyết định số 5940/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2023 và thứ tự 01 tại Quyết định số 4258/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt

quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Tư pháp.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP

(*Ban hành kèm theo Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố*)

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
Lĩnh vực Quốc tịch[1]	
1	Nhập quốc tịch Việt Nam
2	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước
3	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước
Lĩnh vực Quốc tịch[2]	
4	Cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước
5	Cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam
Lĩnh vực Hộ tịch	
6	Xác nhận thông tin hộ tịch
7	Cấp bản sao trích lục hộ tịch

[1] Thẩm quyền cho ý kiến của Chủ tịch, UBND Thành phố

[2] Thẩm quyền Sở Tư pháp

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 01
Nhập quốc tịch Việt Nam

(Ban hành kèm Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (BM 04)	03	Bản chính
02	Bản khai lý lịch (BM 05)	03	Bản chính
03	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế. Giấy tờ khác có giá trị thay thế Giấy khai sinh, Hộ chiếu đối với người không quốc tịch xin nhập quốc tịch Việt Nam là giấy tờ có thông tin về họ tên, ngày tháng năm sinh, có dán ảnh của người đó và đóng dấu của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy thông hành, giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
04	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam; Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin nhập quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

05	Giấy tờ chứng minh trình độ Tiếng Việt: bản sao văn bằng, chứng chỉ để chứng minh người đó đã học bằng tiếng Việt tại Việt Nam như bản sao bằng tiến sĩ, bằng thạc sĩ, bằng cử nhân hoặc bằng tốt nghiệp đại học, bằng tốt nghiệp cao đẳng, trung cấp (bao gồm bằng tốt nghiệp trung học chuyên nghiệp hoặc trung cấp chuyên nghiệp); bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trung học cơ sở của Việt Nam; bản sao chứng chỉ tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài do cơ sở giáo dục của Việt Nam cấp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trong trường hợp người xin nhập quốc tịch Việt Nam không có giấy tờ chứng minh trình độ tiếng Việt thì Sở Tư pháp tổ chức kiểm tra, phỏng vấn về khả năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Việt của người đó bảo đảm đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 16/2020/NĐ-CP. Thành phần tham gia phỏng vấn có đại diện của Sở Tư pháp và Sở Giáo dục đào tạo. Kết quả kiểm tra, phỏng vấn phải được lập thành văn bản. Những người trực tiếp kiểm tra, phỏng vấn chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, phỏng vấn và ý kiến đề xuất của mình.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
06	Giấy tờ chứng minh về chỗ ở, thời gian thường trú ở Việt Nam (Bản sao Thẻ thường trú)	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
07	Giấy tờ chứng minh bảo đảm cuộc sống ở Việt Nam (gồm một trong các giấy tờ sau: giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản; giấy tờ do cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc xác nhận về mức lương hoặc thu nhập; giấy tờ bảo lãnh của tổ chức, cá nhân tại Việt Nam; giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú về tình trạng nhà ở, công việc, thu nhập của người xin nhập quốc tịch Việt Nam).	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

08	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng nhập quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ nhập quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sinh sống cùng người đó nhập quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận có đủ chữ ký của cha mẹ về việc xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận không phải chứng thực chữ ký; người đứng đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
09	Những người được miễn một số điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam thì được miễn các giấy tờ tương ứng với điều kiện được miễn, nhưng phải nộp một số giấy tờ sau để chứng minh điều kiện được miễn, cụ thể là: + Người có vợ hoặc chồng là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; + Nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam phải nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con; + Người có công lao đặc biệt đóng góp lớn cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành;	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	+ Người mà việc nhập quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được nhập quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được nhập quốc tịch Việt Nam.		
10	Người xin nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh, gồm: + Đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam, và việc nhập quốc tịch Việt Nam đồng thời giữ quốc tịch nước ngoài là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi nhập quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước ngoài bị ảnh hưởng; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp, không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.	80 ngày và 35 ngày làm việc	3.000.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

3.1. Từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi gửi hồ sơ ra Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả, trao cho người nộp hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. Quét (scan) tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. Tiếp nhận và chuyển hồ sơ cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo công văn xác minh	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin nhập quốc tịch Việt Nam.
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh.
B5	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	30 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo kết quả	Tiếp nhận kết quả xác minh, dự thảo tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho chuyên viên làm công tác giao liên của phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B12	Chuyển hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố.
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho chuyên viên được phân công xử lý	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ	Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản UBND Thành phố

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					gửi Bộ Tư pháp (01 bản chính, 01 bản photo). Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý.
B14	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	03 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	1+1/2 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	02+1/2 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp bước B17 + Trường hợp hồ sơ cần thẩm tra, bổ sung: Ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thực hiện tiếp điểm a bước B18

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	02 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B18	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản a) Trường hợp chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp: Thông báo cho chuyên viên Phòng Hộ tịch - Quốc tịch nhận lại hồ sơ và công văn chuyển trả (thực hiện tiếp B19) b) Đối với hồ sơ gửi Bộ Tư pháp: + Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2. + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài, thực hiện tiếp B31 điểm a mục 3.3 + Trường hợp phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ, thực hiện tiếp B42 điểm b mục 3.3
B19	Nhận lại hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Trực tiếp nhận lại hồ sơ từ Văn thư UBND Thành phố, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
		Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp			
B20	Tiếp nhận hồ sơ chuyển trả	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Nhận lại hồ sơ, nghiên cứu ý kiến của Văn phòng UBND Thành phố tại công văn chuyển trả để tiếp tục xử lý hồ sơ, thực hiện lại việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ từ bước B2.

3.2. Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ (đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B21	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
B22	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	30 ngày	Hồ sơ trình	- Nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Sau khi có Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo.
B23	Tiếp nhận,	Bộ Tư pháp	10 ngày	Quyết định	- Bộ Tư pháp đăng

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
	thông báo kết quả giải quyết		làm việc	cho nhập quốc tịch Việt Nam	tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê theo quy định. - Gửi văn bản thông báo kèm 04 bản sao Quyết định cho Sở Tư pháp để tổ chức Lễ trao Quyết định, để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch (nếu cần). - Thông báo cho Bộ Công an để đăng ký cư trú, cấp giấy tờ tùy thân cho người được nhập quốc tịch Việt Nam.
B24	Tiếp nhận kết quả từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo kèm bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	Tiếp nhận kết quả, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B25	Soạn thư mời, ghi chú vào sổ hộ tịch hoặc soạn văn	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc	01+1/2 ngày làm việc	- Thư mời - Văn bản thông báo	- Soạn thư mời đương sự đến dự lễ trao quyết định nhập quốc tịch Việt Nam. - Ghi chú vào sổ hộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
	bản thông báo ghi chú	tịch Sở Tư pháp			tịch trong trường hợp sổ hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp (nếu cần). - Hoặc soạn văn bản thông báo về nơi đăng ký hộ tịch trước đây để thực hiện ghi chú.
B26	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Thư mời - Văn bản thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời và văn bản thông báo
B27	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời, văn bản thông báo đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thư mời cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, gửi thông báo cho nơi đăng ký hộ tịch trước đây.
B28	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho đương sự
B29	Tổ chức Lễ trao Quyết định	- Lãnh đạo Sở - Văn phòng Sở Tư pháp - Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp. - Cá nhân được nhập quốc tịch Việt Nam	Theo Thư mời	Bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam	- Sở Tư pháp thực hiện các nghi thức cần thiết của buổi lễ, đọc Quyết định của Chủ tịch nước. - Trao Quyết định cho người được nhập quốc tịch Việt Nam (03 bản sao), trao hoa chúc mừng. - Người được nhập quốc tịch Việt Nam ký tên vào Sổ thụ lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
		và thân nhân (nếu có)			hồ sơ quốc tịch.
B30	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

3.3. Trường hợp phải bổ sung hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B31	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin nhập quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài. ** Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B54 phần b mục 3.3).* Thời hạn 9 tháng không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.
B32	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị đương sự	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
	pháp			bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch
B33	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài
B34	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B35	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả.
B36	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự ** Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B55 phần b mục 3.3)*
B37	Tiếp nhận văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					tịch - Quốc tịch.
B38	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B39	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B40	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B41	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp. - Hồ sơ đầy đủ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B42	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin nhập quốc tịch

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. ** Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B54).* Trong thời gian chờ bổ sung hồ sơ, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.
B43	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B44	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B45	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo.
B46	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B47	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự ** Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B55).*
B48	Tiếp nhận hồ sơ bổ sung	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B49	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B50	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B51	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B52	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					pháp
B53	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	10 ngày	Văn bản của Sở Tư pháp (kèm hồ sơ bổ sung)	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định (thực hiện tiếp B22 mục 3.2) b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng đương sự không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin nhập quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (thực hiện tiếp B32 điểm a mục 3.3) c) Trường hợp hồ sơ được bổ sung nhưng không đủ điều kiện nhập quốc tịch Việt Nam hoặc hết thời hạn 9 tháng mà không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp về việc trả lại hồ sơ cho đương sự (thực hiện tiếp B54)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B54	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm 02 bộ hồ sơ	Tiếp nhận văn bản thông báo và hồ sơ từ Bộ Tư pháp, chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch
B55	Soạn thư mời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Soạn thư mời người xin nhập quốc tịch Việt Nam đến nhận lại hồ sơ
B56	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời
B57	Phát hành thư mời	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thư mời cho Bộ phận Một cửa.
B58	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B59	Trả hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	Theo thư mời	Hồ sơ	Trao đổi, thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin nhập quốc tịch Việt Nam
B60	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
4.	BM 04	- Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024) - Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam (*Dùng cho người người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được được đại diện*) (Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024)
5.	BM 05	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Bản sao Quyết định cho nhập quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Luật Cư trú năm 2020.

- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban

nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.1

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1):…….Giới tính:……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……...

Nơi sinh (2): ……..……

Nơi đăng ký khai sinh (3):……..……..

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số:…….……

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……..

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……/……/……...

Nơi cư trú: ……

……

Thẻ thường trú số:……do:…….

……..,cấp…… ngày…….tháng……năm…….

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:

……...

……...

……...

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. ☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy tên gọi Việt Nam là: ……

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây *(nếu có)* (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):…….....Giới tính:……..….....

Ngày, tháng, năm sinh: …….……

Nơi sinh (2): ……....

Nơi đăng ký khai sinh (3):..……...

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số:……...

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……..……..…….

Nơi cư trú: ……..……

…….

Thẻ thường trú số:……do:……

……..,cấp…… ngày…….tháng……năm…… ……..……

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là: ……..…

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1): …….....Giới tính:…….....

Ngày, tháng, năm sinh: ……

Nơi sinh (2): ……..

Nơi đăng ký khai sinh (3): …….……..

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..……số:……..

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……..

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……..

Nơi cư trú: …….

……

Thẻ thường trú số:……do:…….……

……..,cấp…… ngày…….tháng……năm……

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là: ……

Con thứ ……: ……..……

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (7):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)* ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được nhập quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay: …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

- ……
- ……
- ……

……, ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La-tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ "không quốc tịch".

(5) Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Trường hợp xin nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2024-ĐXNQT.2

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN NHẬP QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin nhập quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên (1): ……..….....Giới tính*:…….

Ngày, tháng, năm sinh:…….

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..……...

Nơi sinh (2)*: ……..……

Quốc tịch*: ……..…….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số…….……..…..

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……..……..

Nơi cư trú*:……..……..……..……..……..

……..

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:…….....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được nhập quốc tịch Việt Nam.

Người xin nhập quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): ……..…… Giới tính:……..…

Ngày, tháng, năm sinh:……..

Nơi sinh (2): ……..

Nơi đăng ký khai sinh (3): ……....

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..….số:……..….

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……/……/……

Nơi cư trú:……..……

Thẻ thường trú số:……do:…….....

……..,cấp…… ngày…….tháng……năm…….

Mục đích xin nhập quốc tịch Việt Nam:…….....

……...

Việc xin nhập quốc tịch Việt Nam thuộc diện được miễn một số điều kiện quy định tại các điểm c, d và đ khoản 1 Điều 19 Luật quốc tịch Việt Nam (5):

- Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ của công dân Việt Nam. ☐
- Có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam. ☐
- Có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. ☐

Nếu được nhập quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là: ……..

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện *(nếu có)* ☐	Tôi tự xét thấy ……(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép……..…… ……(7) được nhập quốc tịch Việt Nam mà

	vẫn giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của ……(7) không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay: …… …… …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

- ……
- ……
- ……

……., ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm, tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người không quốc tịch thì ghi rõ "không quốc tịch".

(5) Đánh dấu "X" vào ô tương ứng với điều kiện được miễn.

(6) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin nhập quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2024-BKLL

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH

(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên: ……..……..

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..

Nơi làm việc: ……..……

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN

(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

……..……

……..……

……..……

……..……

……..……

……

……..……

……..……

……..……

……..……

……

……..……

……

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..……...

Quốc tịch*: ……..…….

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*: ……..……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..……

Quốc tịch*: ……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……..……..

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*: ……..……..……

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…….……

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...…

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:……...…

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..…

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:……..…….

……..

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:……....…

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..……

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……

Con thứ ……: ……..……

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:……....…

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..…

Quốc tịch*:……..……..……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...…

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::……..……Giới tính*:……...

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):..……..……

Quốc tịch*:……

Nơi cư trú hiện nay*:……

Anh/chị/em thứ ……: ……

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

……., ngày …. tháng …. năm ….

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm, tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

QUY TRÌNH NỘI BỘ ĐÃ TÁI CẤU TRÚC
QUY TRÌNH 02
Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước

(Ban hành kèm Quyết định số 5346/QĐ-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
01	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (BM 04)	03	Bản chính
02	Bản khai lý lịch (BM 05)	03	Bản chính
03	Giấy khai sinh, Hộ chiếu hoặc giấy tờ khác có giá trị thay thế.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
04	Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở Việt Nam, Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp đối với thời gian người xin trở lại quốc tịch Việt Nam cư trú ở nước ngoài. Phiếu lý lịch tư pháp phải là phiếu được cấp không quá 90 ngày tính đến ngày nộp hồ sơ.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
05	Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã từng có quốc tịch Việt Nam (là một trong các giấy tờ sau đây: Giấy tờ chứng minh đã được Chủ tịch nước cho thôi quốc tịch hoặc bị tước quốc tịch Việt Nam; Giấy tờ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp, xác nhận, trong đó có ghi quốc tịch Việt Nam hoặc giấy tờ có giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam trước đây của người đó).	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
06	Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện trở lại quốc	03	Bản sao được

	tịch Việt Nam là một trong các giấy tờ sau đây: + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ hoặc con đẻ là công dân Việt Nam: Trường hợp có vợ, chồng là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy chứng nhận kết hôn hoặc Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; nếu có cha, mẹ, con là công dân Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha, mẹ, con. + Giấy tờ chứng minh người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam hoặc việc trở lại quốc tịch Việt Nam là có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì nộp giấy tờ tương ứng: Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó trên cơ sở hồ sơ, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan và quy định của pháp luật chuyên ngành; Người mà việc trở lại quốc tịch Việt Nam của họ có lợi cho Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là người có tài năng thực sự vượt trội trong lĩnh vực khoa học, kinh tế, văn hóa, xã hội, nghệ thuật, thể thao, y tế, giáo dục, đã dành được giải thưởng quốc tế, huân chương, huy chương hoặc được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc chứng nhận và cơ quan quản lý nhà nước cấp bộ xác nhận về tài năng và có cơ sở cho thấy việc người được trở lại quốc tịch Việt Nam sẽ đóng góp tích cực, lâu dài cho sự phát triển lĩnh vực nói trên của Việt Nam sau khi được trở lại quốc tịch Việt Nam.		cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

	+ Giấy tờ chứng minh việc thực hiện đầu tư tại Việt Nam: phải có dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp giấy tờ chứng nhận việc đầu tư đó.		
07	Trường hợp người xin trở lại quốc tịch Việt Nam vì lý do đã thôi quốc tịch Việt Nam để nhập quốc tịch nước ngoài, nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì phải có giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp xác nhận rõ về lý do không được nhập quốc tịch nước ngoài. Trong trường hợp không được nhập quốc tịch nước ngoài là do lỗi chủ quan của người đó thì phải có văn bản bảo lãnh của một trong những người là cha, mẹ, vợ,chồng, con hoặc anh, chị, em ruột là công dân Việt Nam đang thường trú tại Việt Nam, kèm theo đơn của người đó tự nguyện về cư trú tại Việt Nam.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
08	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam có con chưa thành niên cùng trở lại quốc tịch Việt Nam thì nộp bản sao Giấy khai sinh của người con hoặc giấy tờ hợp lệ khác chứng minh quan hệ cha con, mẹ con. Trường hợp chỉ người cha hoặc người mẹ trở lại quốc tịch Việt Nam mà con chưa thành niên sống cùng người đó trở lại quốc tịch Việt Nam theo cha hoặc mẹ thì phải nộp văn bản thỏa thuận của cha mẹ về việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con. Văn bản thỏa thuận phải có đầy đủ chữ ký của cha và mẹ, chữ ký không phải chứng thực nhưng người đứng đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho con phải chịu trách nhiệm về tính chính xác chữ ký của người kia. Trường hợp cha, mẹ đã chết, bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự thì văn bản thỏa thuận được thay thế bằng giấy tờ chứng minh cha, mẹ đã chết, bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.	03	Bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

09	Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đồng thời xin giữ quốc tịch nước ngoài phải có giấy tờ chứng minh, gồm: + Đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam; + Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc nước ngoài cấp để chứng minh: Việc xin giữ quốc tịch nước ngoài của người đó khi trở lại quốc tịch Việt Nam là phù hợp với pháp luật của nước ngoài đó. Việc thôi quốc tịch nước ngoài dẫn đến quyền lợi của người đó ở nước có quốc tịch bị ảnh hưởng; + Bản cam kết của người đó về nội dung: Không sử dụng quốc tịch nước ngoài để gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân; xâm hại an ninh, lợi ích quốc gia, trật tự, an toàn xã hội của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu
10	Giấy tờ chứng minh nơi cư trú: Thẻ thường trú, Thẻ tạm trú, xác nhận tạm trú của Công an phường, xã, thị trấn.	03	Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính để đối chiếu

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Sở Tư pháp hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, không ủy quyền cho người khác nộp hồ sơ.	55 ngày và 30 ngày làm việc	2.500.000 đồng/trường hợp * Miễn lệ phí đối với các trường hợp sau: - Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có

		thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). - Người mất quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú.

* Trường hợp hồ sơ được gửi qua hệ thống bưu chính thì bản sao giấy tờ phải được chứng thực từ bản chính hoặc được cấp từ sổ gốc; Đơn, Tờ khai, Bản khai lý lịch phải được chứng thực chữ ký theo quy định của pháp luật.

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

3.1. Từ khi tiếp nhận hồ sơ đến khi gửi hồ sơ ra Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	Cá nhân	Giờ hành chính	Theo mục 1	Thành phần hồ sơ theo mục 1.
	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	BM 01 BM 02 BM 03	**Tiếp nhận trực tiếp:** - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. **Tiếp nhận qua Dịch vụ Bưu chính viễn**

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					thông: - Trường hợp hồ sơ đầy đủ: Lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả; trao cho người nộp hồ sơ theo BM 01; thực hiện tiếp bước B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa chính xác: Hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ đến người nộp hồ sơ và ghi rõ lý do theo BM 02. Thời gian xác định tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ hợp pháp, hợp lệ là tại thời điểm tổ chức, cá nhân bổ sung đầy đủ hồ sơ theo yêu cầu tại BM 02. - Trường hợp từ chối tiếp nhận hồ sơ: Lập Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ theo BM 03. Thông tin cho tổ chức, cá nhân về việc từ chối hồ sơ. Quét (scan) tài liệu, lưu trữ hồ sơ điện tử. - Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho công chức thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B2	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư	02 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo công văn	Xem xét, kiểm tra hồ sơ, dự thảo công văn xác minh nhân thân của người xin trở lại quốc tịch Việt Nam.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
		pháp		xác minh	
B3	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký nháy công văn xác minh.
B4	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 - Hồ sơ trình - Dự thảo công văn xác minh	Xem xét hồ sơ, ký duyệt công văn xác minh
B5	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi công văn xác minh cho Công an Thành phố.
B6	Thẩm tra, xác minh	Công an Thành phố	20 ngày	Kết quả xác minh	Tiến hành xác minh và có văn bản trả lời cho Sở Tư pháp.
B7	Tiếp nhận kết quả xác minh	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản trả lời xác minh	Tiếp nhận văn bản trả lời xác minh, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B8	Kiểm tra hồ sơ, đề xuất kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1+1/2 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Dự thảo kết quả	Tiếp nhận kết quả xác minh, dự thảo tờ trình UBND Thành phố và dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B9	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký nháy dự thảo tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B10	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Theo mục 1 BM 01 Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt tờ trình UBND Thành phố (kèm dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp).
B11	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển cho chuyên viên làm công tác giao liên của phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B12	Chuyển hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch	02 giờ làm việc	Hồ sơ	Trực tiếp chuyển hồ sơ cho chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố
B13	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển cho chuyên viên được phân công xử lý	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ	Tiếp nhận 02 bộ hồ sơ từ Sở Tư pháp, gồm: + Thành phần hồ sơ theo mục 1. + Công văn trả lời xác minh của Công an Thành phố (01 bản chính, 01 bản photo). + Tờ trình của Sở Tư pháp (02 bản chính). + Dự thảo văn bản UBND Thành phố gửi Bộ Tư pháp (01 bản

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					chính, 01 bản photo). Kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho chuyên viên được phân công xử lý.
B14	Kiểm tra hồ sơ	Chuyên viên Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Chuyên viên thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ, trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.
B15	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng chuyên môn Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố
B16	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng UBND Thành phố	01 ngày làm việc	Tờ trình, hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan: + Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện: Ký tờ trình trình Lãnh đạo UBND Thành phố, thực hiện tiếp bước B17 + Trường hợp hồ sơ cần thẩm tra, bổ sung: Ký văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp, thực hiện tiếp điểm a bước B18
B17	Ký duyệt	Lãnh đạo UBND Thành phố	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Văn bản gửi Bộ Tư pháp	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B18	Phát hành	Chuyên viên Phòng HC-TC Văn phòng UBND Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản a) Trường hợp chuyển trả hồ sơ cho Sở Tư pháp: Thông báo cho chuyên viên phòng Hộ tịch - Quốc tịch nhận lại hồ sơ và công văn chuyển trả (thực hiện tiếp B19). b) Đối với hồ sơ gửi Bộ Tư pháp: + Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2 + Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài, thực hiện tiếp B29 điểm a mục 3.3 + Trường hợp phải bổ sung hoàn thiện hồ sơ, thực hiện tiếp B40 điểm b mục 3.3
B19	Nhận lại hồ sơ	Chuyên viên làm công tác giao liên phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Trực tiếp nhận lại hồ sơ từ Văn thư UBND Thành phố, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ
B20	Tiếp nhận hồ sơ chuyển trả	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc	02 giờ làm việc	Hồ sơ chuyển trả	Nhận lại hồ sơ, nghiên cứu ý kiến của Văn phòng UBND Thành phố tại công văn

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
		tịch Sở Tư pháp			chuyển trả để tiếp tục xử lý hồ sơ, thực hiện lại việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ từ bước B2.

3.2. Trường hợp không phải bổ sung hồ sơ (đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B21	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	15 ngày	Hồ sơ	Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định.
B22	Tiếp nhận hồ sơ từ Bộ Tư pháp	Văn phòng Chủ tịch nước	20 ngày	Hồ sơ trình	- Nhận được đề nghị của Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước xem xét, quyết định. - Sau khi có Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước, Văn phòng Chủ tịch nước gửi đăng Công báo.
B23	Tiếp nhận, thông báo kết quả giải quyết	Bộ Tư pháp	10 ngày làm việc	Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	- Bộ Tư pháp đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp. - Gửi 03 bản sao Quyết định cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					UBND Thành phố để theo dõi, quản lý, thống kê theo quy định. - Gửi văn bản thông báo kèm 01 bản sao Quyết định cho Sở Tư pháp để lưu hồ sơ, để ghi chú hoặc hướng dẫn ghi chú vào sổ hộ tịch (nếu cần). - Thông báo cho Bộ Công an để đăng ký cư trú, cấp giấy tờ tùy thân cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam.
B24	Tiếp nhận kết quả từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo kèm bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam	Tiếp nhận kết quả, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B25	Ghi chú vào sổ hộ tịch hoặc soạn văn bản thông báo ghi chú	Chuyên viên thụ lý hồ sơ phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 ngày làm việc	Văn bản thông báo	- Thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả biết về việc Bộ Tư pháp đã gửi kết quả cho người được trở lại quốc tịch Việt Nam. - Ghi chú vào sổ hộ tịch trong trường hợp sổ hộ tịch lưu trữ tại Sở Tư pháp (thực hiện tiếp bước B28).

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					- Hoặc soạn văn bản thông báo về nơi đăng ký hộ tịch trước đây để thực hiện ghi chú (thực hiện tiếp bước B26).
B26	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1+1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B27	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản thông báo đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi thông báo cho nơi đăng ký hộ tịch trước đây.
B28	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ của Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Lưu hồ sơ theo mục 5	Thống kê, theo dõi.

3.3. Trường hợp phải bổ sung hồ sơ

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng phải bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B29	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	20 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					* *Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B52 phần b mục 3.3)*. Trong thời gian chờ bổ sung hồ sơ, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.
B30	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị đương sự bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B31	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung văn bản thôi quốc tịch nước ngoài
B32	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo.
B33	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					Trả kết quả.
B34	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự * *Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B53 phần b mục 3.3).*
B35	Tiếp nhận văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thôi quốc tịch nước ngoài	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B36	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	01 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B37	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B38	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
				văn bản bổ sung hồ sơ	
B39	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	- Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp. - Hồ sơ đầy đủ, thực hiện tiếp B21 mục 3.2

b) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, phải bổ sung hoàn thiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B40	Tiếp nhận, giải quyết hồ sơ	Bộ Tư pháp	10 ngày	Hồ sơ	Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp để hướng dẫn người xin trở lại quốc tịch Việt Nam bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. ** Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Bộ Tư pháp trả lại hồ sơ cho Sở Tư pháp (thực hiện tiếp B52).* Thời gian chờ bổ sung, không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B41	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thông báo đề nghị bổ sung hồ sơ	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B42	Soạn văn bản thông báo cho đương sự	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	- Hồ sơ trình - Dự thảo văn bản	Soạn thảo văn bản đề nghị đương sự bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
B43	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ trình	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản thông báo
B44	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển thông báo cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B45	Gửi thông báo cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản phát hành	Liên hệ, gửi thông báo cho đương sự * *Hết thời hạn 9 tháng, nếu hồ sơ không được bổ sung theo yêu cầu thì Sở Tư pháp trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam (thực hiện tiếp B53).*
B46	Tiếp nhận hồ sơ bổ	Bộ phận Một cửa	02 giờ làm việc	Hồ sơ bổ sung	Tiếp nhận hồ sơ do đương sự bổ sung

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
	sung	Sở Tư pháp			theo thông báo của Sở Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.
B47	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Soạn văn bản bổ sung hồ sơ cho Bộ Tư pháp.
B48	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản gửi Bộ Tư pháp
B49	Ký duyệt	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ trình Dự thảo văn bản bổ sung hồ sơ	Xem xét hồ sơ, ký duyệt văn bản gửi Bộ Tư pháp
B50	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Hồ sơ đã được phê duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản, gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp
B51	Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Tư pháp	Bộ Tư pháp	10 ngày	Văn bản của Sở Tư pháp (kèm hồ sơ bổ sung)	Xem xét, kiểm tra hồ sơ: a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, đương sự được giữ quốc tịch nước ngoài hoặc là người không quốc tịch: Bộ trưởng Bộ Tư pháp thừa ủy quyền

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
					Thủ tướng Chính phủ ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch nước xem xét, quyết định (thực hiện tiếp B22 mục 3.2) b) Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng đương sự không được giữ quốc tịch nước ngoài: Gửi văn bản thông báo cho Sở Tư pháp để yêu cầu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam làm thủ tục thôi quốc tịch nước ngoài (thực hiện tiếp B30 điểm a mục 3.3) c) Trường hợp hồ sơ được bổ sung nhưng không đủ điều kiện trở lại quốc tịch Việt Nam hoặc hết thời hạn 9 tháng mà không bổ sung hồ sơ theo yêu cầu: Gửi văn bản thông báo cho UBND Thành phố và Sở Tư pháp về việc trả lại hồ sơ cho đương sự (thực hiện tiếp B52)
B52	Tiếp nhận thông báo từ Bộ Tư pháp	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Văn bản thông báo kèm 02 bộ hồ sơ	Tiếp nhận văn bản thông báo và hồ sơ từ Bộ Tư pháp, chuyển cho chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả	Diễn giải
B53	Soạn thư mời	Chuyên viên thụ lý hồ sơ Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	1/2 ngày làm việc	Thư mời	Soạn thư mời người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đến nhận lại hồ sơ.
B54	Ký duyệt	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Xem xét hồ sơ, ký duyệt thư mời
B55	Phát hành	Văn thư Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời đã được ký duyệt	Cho số, nhân bản, đóng dấu, phát hành văn bản chuyển thư mời cho Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả.
B56	Gửi thư mời cho đương sự	Bộ phận Một cửa Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Thư mời	Liên hệ, gửi thư mời cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B57	Trả hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Hộ tịch - Quốc tịch Sở Tư pháp	Theo thư mời	Hồ sơ	Trao đổi, thông báo lý do và trả lại hồ sơ cho người xin trở lại quốc tịch Việt Nam
B58	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Chuyên viên lưu trữ của Sở Tư pháp	02 giờ làm việc	Lưu hồ sơ theo mục V	Thống kê, theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ ban hành kèm theo Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018
4.	BM 04	- Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTLQT.1 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024) - Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam (*Dùng cho người người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được được đại diện*) (Mẫu TP/QT-2024-ĐXTLQT.2 ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024)
5.	BM 05	Bản khai lý lịch (Mẫu TP/QT-2024-BKLL ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024)

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả.
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ.
4.	BM 04	Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam
5.	BM 05	Bản khai lý lịch
6.	//	Bản sao Quyết định cho trở lại quốc tịch Việt Nam của Chủ tịch nước
7.	//	Các hồ sơ khác nếu có theo văn bản pháp quy hiện hành.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.

- Luật Cư trú năm 2020.

- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.

- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và các mẫu giấy tờ về quốc tịch.

- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.

- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

Mẫu TP/QT-2024- ĐXTLQT.1

Ảnh 4 x 6 (chụp chưa quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Họ, chữ đệm, tên (1): ……..……Giới tính*:……

Ngày, tháng, năm sinh: …….

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):……..

Nơi sinh (2)*: ……..……

Nơi đăng ký khai sinh (3)*: ……..

Quốc tịch hiện nay (4): ……..……..

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..….số:……..…...…….

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm…..……...

Nơi cư trú: ……..….

……..……

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): ……..

…….

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)……
(theo Quyết định số:……ngày…...tháng...… năm……..

của……..).

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:…….

……...

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là: …….....

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, tôi xin cam đoan trung thành với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân Việt Nam theo quy định của Hiến pháp và pháp luật Việt Nam.

Tôi cũng xin trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng tôi có tên dưới đây *(nếu có)* (6):

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên (1):…….Giới tính*:……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):……..

Nơi sinh (2)*: ……

Nơi đăng ký khai sinh (3)*: ……..…….

Quốc tịch hiện nay (4): …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..…….số:……..……

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm…..…….

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……..

…….

Nơi cư trú: ……...…

……..……..

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

……

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên (1): ……..……Giới tính*:…….

Ngày, tháng, năm sinh: …….……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):……..

Nơi sinh (2)*: ……

Nơi đăng ký khai sinh (3)*: ……

Quốc tịch hiện nay (4): ……

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……số:……...

do:……, cấp ngày……tháng……năm……

Ngày, tháng, năm nhập cảnh vào Việt Nam (nếu có): ……

……..

Nơi cư trú: ……

……..

Nếu được trở lại (hoặc nhập) quốc tịch Việt Nam, xin lấy tên gọi Việt Nam là (7):

……

Con thứ…..: ……...

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (8):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của mình và của con chưa thành niên nêu trên *(nếu có)* ☐	Tôi tự xét thấy mình thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép tôi được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi xin cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay không làm cản trở đến việc hưởng quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay: …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn.

Giấy tờ kèm theo:

- ……
- ……
- ……

……, ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm, tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với trường hợp đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ "đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài".

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Trường hợp xin trở lại/nhập quốc tịch Việt Nam cho con chưa thành niên sinh sống cùng thì ghi đầy đủ thông tin của từng người con.

(7) Trường hợp được trở lại quốc tịch Việt Nam thì lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây; trường hợp được nhập quốc tịch Việt Nam thì lựa chọn tên gọi Việt Nam.

(8) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

Mẫu TP/QT-2024-ĐXTLQT.2

Ảnh 4 x 6 (chụp không quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN TRỞ LẠI QUỐC TỊCH VIỆT NAM
(Dùng cho người đại diện theo pháp luật làm Đơn xin trở lại quốc tịch Việt Nam cho người được đại diện)

Kính gửi: Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Người đại diện theo pháp luật:

Họ, chữ đệm, tên: (1): ……..Giới tính*:……

Ngày, tháng, năm sinh:…….

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..

Nơi sinh (2)*: ……

Quốc tịch*: …….....

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:…….số:……..

do:……..…., cấp ngày……tháng……năm...……

Nơi cư trú *:…….……..…

……...

Quan hệ giữa người đại diện theo pháp luật và người được đại diện:……...…….....

Sau khi tìm hiểu các quy định của pháp luật Việt Nam về quốc tịch, tôi tự nguyện làm Đơn này kính xin Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép người có tên sau đây được trở lại quốc tịch Việt Nam.

Người xin trở lại quốc tịch Việt Nam:

Họ, chữ đệm, tên (1): ……Giới tính*:…….....

Ngày, tháng, năm sinh:……..

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân đã từng được cấp (nếu có):……..

Nơi sinh (2)*: ……

Nơi đăng ký khai sinh (3)*: …….....

Quốc tịch hiện nay (4): …….

Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị thay thế:……..……số:……..……

do:……..…., cấp ngày…….tháng……năm……..…..

Nơi cư trú *:…….…….…….….

……

Nơi cư trú tại Việt Nam trước khi xuất cảnh (nếu có): …….....

……

Lý do mất quốc tịch Việt Nam (5)…… (theo Quyết định số:……ngày…...tháng..... năm…….

của……)

Mục đích xin trở lại quốc tịch Việt Nam:…….

……...

Nếu được trở lại quốc tịch Việt Nam, xin lấy lại tên gọi Việt Nam trước đây là:

……...

Liên quan đến quốc tịch hiện nay (6):

Tôi xin cam kết sẽ làm thủ tục thôi quốc tịch hiện nay của người được đại diện *(nếu có)* ☐	Tự xét thấy việc xin trở lại quốc tịch Việt Nam của ……..……(7) thuộc trường hợp đặc biệt để xin giữ quốc tịch hiện nay: ☐
	Tôi xin đề nghị Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam xem xét, cho phép…… ……(7) được trở lại quốc tịch Việt Nam và được giữ quốc tịch hiện nay. Tôi cam kết việc giữ quốc tịch hiện nay của …… ……(7) không làm cản trở đến việc hưởng

	quyền và thực hiện nghĩa vụ của công dân Việt Nam đối với Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Lý do xin giữ quốc tịch hiện nay: …… …… ……

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai trong Đơn./.

Giấy tờ kèm theo:

- ……
- ……
- ……

……, ngày …….. tháng ….. năm……..

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm, tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(1) Ghi bằng chữ in hoa, có dấu (theo Hộ chiếu/Giấy tờ hợp lệ thay thế).

(2) Ghi địa danh ba cấp hành chính (nếu sinh ở Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia (nếu sinh ra ở nước ngoài).

Ví dụ: Xã Phú Minh, huyện Sóc Sơn, Thành phố Hà Nội hoặc thành phố Postdam, CHLB Đức.

(3) Ghi tên cơ quan đăng ký khai sinh theo ba cấp hành chính (nếu đăng ký khai sinh tại Việt Nam) hoặc ghi theo tên thành phố, tên quốc gia đã đăng ký khai sinh (nếu đăng ký khai sinh tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài). Ví dụ: UBND xã Điện Ngọc, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam hoặc Chính quyền thành phố Postdam, CHLB Đức.

(4) Trường hợp đang có quốc tịch nước ngoài thì ghi chính xác tên quốc gia mang quốc tịch theo phiên âm La - tinh hoặc phiên âm tiếng Việt. Ví dụ: Malaysia hoặc Ma-lai-xi-a; trường hợp có từ hai quốc tịch trở lên thì ghi rõ từng quốc tịch. Đối với người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài thì ghi rõ "đã thôi quốc tịch Việt Nam nhưng không được nhập quốc tịch nước ngoài".

(5) Nêu rõ lý do mất quốc tịch Việt Nam. Ví dụ: đã thôi quốc tịch Việt Nam.

(6) Đánh dấu "X" vào 1 trong 2 lựa chọn, nếu người xin trở lại quốc tịch Việt Nam đang có quốc tịch nước ngoài.

(7) Ghi họ, chữ đệm, tên của người được đại diện.

Mẫu TP/QT-2024-BKLL

Ảnh 4 x 6
(chụp không
quá 6 tháng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI LÝ LỊCH
(Dùng cho trường hợp giải quyết các việc về quốc tịch)

Họ, chữ đệm, tên: ……………………………………………………...…………..

Ngày, tháng, năm sinh: ……………………………………………..…..….………

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……….……………………………………………………………………………….

Nơi làm việc: …………..…………………………………………………..……

TÓM TẮT VỀ BẢN THÂN
(ghi rõ thông tin từ trước tới nay, quá trình sinh sống, làm gì, ở đâu?)

……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..…
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..……….
…………………………………………………………………………
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..…
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..…
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..…
……………………………………………………………………………..……….
……………………………………………………………………………..…

TÓM TẮT VỀ NGƯỜI THÂN THÍCH

Người cha:

Họ, chữ đệm, tên*:……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…..……

Quốc tịch*: ……..…….

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……....

Người mẹ:

Họ, chữ đệm, tên*: ……

Ngày, tháng, năm sinh: ……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):……..……

Quốc tịch*: ……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...

Vợ/chồng:

Họ, chữ đệm, tên*: ……..……..……

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…..……

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...…

Con thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:……..

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…….…

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:…….

……...

Con thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:…….

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…….……

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:……...….

……..

Con thứ ……: ……...……..……

Anh/chị/em ruột thứ nhất:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:……..

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):…….…

Quốc tịch*:……..……

Nơi cư trú hiện nay*:……..…….

……....

Anh/chị/em thứ hai:

Họ, chữ đệm, tên::……Giới tính*:…….

Ngày, tháng, năm sinh:……..……

Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ Căn cước/Chứng minh nhân dân (nếu có):

……

Quốc tịch* ……

Nơi cư trú hiện nay*:……

Anh/chị/em thứ ……: ……

(Nếu số lượng con/anh/chị/em ruột nhiều hơn hai thì người khai lập bản khai bổ sung khai đầy đủ thông tin của từng thành viên).

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam về lời khai của mình.

……., ngày …. tháng …. năm ….

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

(*): Trường hợp người yêu cầu cung cấp đầy đủ 03 trường thông tin "Họ, chữ đệm, tên", "ngày tháng năm sinh", "Số định danh cá nhân/Căn cước công dân/Thẻ căn cước/Chứng minh nhân dân" thì công chức làm công tác tiếp nhận hồ sơ thực hiện khai thác các thông tin (*) trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định pháp luật. Trường hợp không khai thác được thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc không có thông tin thì yêu cầu người dân cung cấp.

(Xem tiếp Công báo số 492 + 493)